TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/LĐ-PT
Ngày: 09/5/2019
V/v: "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Kim Của

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Trần Văn Sung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-LĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T1 B1, xã T1 S, thành phố M T2, tỉnh T3 G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T3 G.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ du lịch D Th X.

Địa chỉ trụ sở: Ấp N H, xã M1 T4, huyện G1 T3, tỉnh B T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thúy D1 – Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Quách Duy T5, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã T Phú Đông, huyện G1 T3, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2018).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn K.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày:

Từ tháng 10/2012, ông Trần Văn K được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ du lịch D Th X (gọi tắt là Công ty D Th X) nhận vào làm. Công việc của ông là tài công (lái tàu đưa khách tham quan). Thời điểm này Công ty chưa ký hợp đồng lao động.

Tháng 01/2014, Công ty ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm (một năm tái ký hợp đồng một lần), công việc làm cũng là tài công. Từ tháng 01/2014 đến nay, Công ty thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho ông K.

Theo thỏa thuận hai bên, mức lương hàng tháng (mỗi tháng làm đủ 30 ngày) là 5.200.000 đồng. Từ tháng 10/2012 đến hết tháng 03/2018, ông K nhận đủ tiền lương do Công ty D Th X trả.

Về các hợp đồng lao động từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty D Th X đều không đưa cho ông.

Ngày 01/01/2018, Công ty D Th X tiếp tục tái ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng thời vụ (03 tháng). Ông không đồng ý việc tái ký hợp đồng này với Công ty D Th X vì ông đã ký hợp đồng lao động xác định thời hạn, có đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ nhưng lần này lại ký hợp đồng lao động thời vụ (03 tháng) là trái với quy định của Luật lao động, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bởi vì nghề lái tàu chở khách tham quan là công việc thường xuyên của Công ty chứ không phải là thời vụ.

Ngày 01/04/2018, Công ty ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông, nhưng không thông báo cho ông biết trước một thời gian theo quy định của pháp luật.

Công ty D Th X đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái với quy định của Bộ luật luật lao động, vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D Th X bồi thường cho ông các khoản thiệt hại sau: Tiền lương thời gian không làm việc đến ngày xét xử 12/9/2018, tiền lương vi phạm thời gian báo trước 45 ngày, tiền 02 tháng lương đóng bảo hiểm và tiền 02 tháng lương làm việc, tổng số tiền ông K yêu cầu Công ty D Th X bồi thường là 47.686.000 đồng, ông K không có yêu cầu Công ty nhận làm việc trở lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Vào ngày 30/3/2018, Công ty có nhận được phản ánh của khách du lịch về hành vi không đúng chuẩn mực của ông Trần Văn K. Phía Công ty có báo chính quyền địa phương để giải quyết và Công an xã M1 T4 có lập biên bản sự việc ngày 30/3/2018. Tại các biên bản làm việc này, phía ông K không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của khách du lịch. Tại Công ty thì khách du lịch chỉ phát hiện ông K có hành vi lục lọi tài sản, tuy nhiên, sau khi khách du lịch về nước thì phát hiện mất một số tiền khoảng 800 đô la, sự việc này được khách du lịch chụp lại và có gửi thư điện tử diễn giải.

Tại hợp đồng lao động không số ký ngày 01/01/2018 có điều khoản quy định ông Trần Văn K có nghĩa vụ tuân thủ đúng các văn bản quy định của Công ty. Nội quy Công ty cũng là một văn bản do Công ty ban hành nhưng ông K đã không tuân thủ đúng. Mặt khác, phía ông K cũng tự nguyện, không ai ép buộc đồng ý ký tên vào hợp đồng làm việc thời vụ không số ngày 01/01/2018, điều này có nghĩa là ông K cũng chấp nhận hợp đồng này. Tuy nhiên, từ ngày ký hợp đồng đến nay ông K không đi làm việc. Phía Công ty có mời ông K đến làm việc nhiều lần nhưng ông K không đến dự. Công ty căn cứ vào việc ông K nghỉ việc không phép để chấm dứt hợp đồng lao động với ông K là đúng quy định. Vào ngày 01/4/2018, ông Trần Văn K có đến Công ty để nhận quyết định cho thôi việc. Công ty không lập biên bản nhưng ông K cũng chấp nhận quyết định cho thôi việc. Những việc làm của ông K ảnh hưởng tới hình ảnh của Công ty, ảnh hưởng tới bộ mặt của địa phương nên Công ty D Th X không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn K số tiền 47.686.000 đồng theo yêu cầu của ông K.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G1 T3 đưa vụ án ra xét xử, tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện G1 T3 đã quyết định:

Căn cứ Điều 18, Điều 22, Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn K về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ du lịch D Th X bồi thường số tiền 46.800.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24/9/2018 ông Trần Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T có quyết định kháng nghị số 408/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện G1 T3 theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ du lịch D Th X bồi thường trả trợ cấp thôi việc cho ông Trần Văn K với số tiền là 11.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T có bổ sung một phần kháng nghị, nội dung bổ sung trong phạm vi kháng nghị ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G1 T3 theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ du lịch D Th X bồi thường cho ông Trần Văn K số tiền là 47.686.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn K, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét các hợp đồng lao động giữa Công ty D Th X với ông Trần Văn K

Ông Trần Văn K cho rằng từ khi bắt đầu làm việc cho Công ty D Th X vào năm 2014 với công việc là tài công lái tàu đưa khách tham quan thì ông và Công ty D Th X có ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, sau 01 năm tái ký một lần. Trong khi đó, Công ty D Th X cho rằng chỉ thuê ông K làm tài công theo mùa vụ chứ không thuê theo hợp đồng xác định thời hạn 01 năm, tuy nhiên việc này chỉ là thỏa thuận miệng chứ không giao kết thành hợp đồng, cho đến ngày 01/01/2018 hai bên mới ký hợp đồng lao động thời vụ 03 tháng.

Qua xem xét hồ sơ khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Trần Văn K làm tài công cho Công ty D Th X liên tục từ tháng 01/2014 đến hết tháng 3/2018, việc này được thể hiện qua việc Công ty D Th X đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn K, xác định, đây là công việc có tính chất thường xuyên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Bộ luật lao động quy định "*Không được giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng để làm những công việc có tính chất thường xuyên từ 12 tháng trở lên, trừ trường hợp phải tạm thời thay thế người lao động ...*". Mặt khác, tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động quy định *"Khi hợp đồng lao động xác định thời hạn hết hạn mà người lao*

động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới… Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm 01 lần, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn". Nhận thấy, năm 2014, Công ty D Th X và ông K đã ký hợp đồng lao động xác định thời hạn là 12 tháng, đến năm 2015, giữa Công ty và ông K ký tiếp hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng. Như vậy, đến năm 2016 thì giữa Công ty và ông K phải ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, hợp đồng lao đồng giữa Công ty D Th X và ông K từ năm 2016 trở đi là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Việc Công ty trình bày chỉ ký hợp đồng lao động thời vụ 03 tháng với ông K là không đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 22 Bộ luật lao động.

Hơn nữa, theo Kết luận giám định số 231/2018/GĐTL ngày 03/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B T cũng như Kết luận giám định số 495/C09B ngày 22/02/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố HCM đều kết luận *"không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên K có phải do cùng một người ký ra hay không"*, vì vậy, cũng không có cơ sở khẳng định ông K đã ký tên vào hợp đồng lao động thời vụ ngày 01/01/2018 mà Công ty D Th X đã cung cấp. Hợp đồng này không tuân thủ về chủ thể giao kết, chỉ có một bên người sử dụng lao động ký tên nên không có giá trị pháp lý.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của Công ty D Th X về việc chỉ thuê ông K làm việc theo hợp đồng mùa vụ. Hợp đồng lao động giữa Công ty với ông K từ năm 2016 là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

[2] Xét việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty D Th X đối với ông Trần Văn K

Ngày 01/4/2018, Công ty D Th X ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông K, lý do là ông K đã vi phạm nội quy Công ty, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Công ty, tuy nhiên, có lúc Công ty lại trình bày lý do là từ khi ký hợp đồng ngày 01/01/2018 cho đến ngày 01/4/2018 ông K không đi làm việc. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên bản xác nhận của Công ty thì ông K nghỉ việc từ ngày 01/4/2018, trong khi ông K cũng cho rằng vẫn đi làm việc đến ngày 01/4/2018 mới nghỉ việc, đồng thời, thực tế thì Công ty vẫn đóng bảo hiểm xã hội cho ông K đến hết tháng 3/2018. Như vậy, lý do Công ty đưa ra để chấm dứt hợp đồng lao động với ông K là có mâu thuẫn. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty D Th X đối với ông Trần Văn K cũng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động, bên cạnh đó, Công ty D Th X cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc đã có thông báo trước cho ông

K biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty D Th X là trái quy định của pháp luật.

[3] Nghĩa vụ của Công ty D Th X đối với ông Trần Văn K khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động, Công ty D Th X phải có nghĩa vụ nhận ông K trở lại làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tuy nhiên, do ông K không muốn tiếp tục làm việc nên Công ty D Th X phải thực hiện các nghĩa vụ khác đối với ông K theo quy định của Bộ luật lao động.

Theo ông K trình bày thì ông làm việc cho Công ty D Th X với mức lương 5.200.000 đồng/tháng, còn phía Công ty D Th X thì cho rằng thuê ông K làm việc với mức lương mỗi tháng là 4.400.000 đồng, cả hai bên đều không có chứng cứ chứng minh cho số tiền lương đã nêu. Do đó, xác định mức lương mà ông K được hưởng theo sự thừa nhận của phía Công ty D Th X là 4.400.000 đồng/tháng. Những ngày ông K không được làm việc được tính từ ngày ông K nghỉ việc (ngày 01/4/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2018) là 05 tháng 11 ngày. Tổng thời gian ông K làm việc cho Công ty D Th X là 04 năm 02 tháng. Như vậy, số tiền mà Công ty D Th X phải bồi thường cho ông K được tính cụ thể như sau:

- Tiền lương trong những ngày không làm việc: 4.400.000 đồng/tháng x 05 tháng 11 ngày = 23.613.700 đồng.

- 02 tháng tiền lương (người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương): 04 năm 02 tháng x ½ x 4.400.000 đồng/tháng = 8.800.000 đồng.

- Tiền trợ cấp thôi việc: 4.400.000 đồng/tháng x (04 năm 02 tháng/2) = 11.000.000 đồng.

- 02 tháng tiền lương do người lao động không muốn tiếp tục làm việc: 4.400.000 đồng/tháng x 2 tháng = 8.800.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà Công ty D Th X phải trả cho ông K là 52.213.700 đồng. Tuy nhiên, ông K chỉ yêu cầu Công ty D Th X bồi thường cho ông số tiền 47.686.000 đồng. Xét yêu cầu này của ông K là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, buộc Công ty D Th X phải trả cho ông K số tiền là 47.686.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của ông K, Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B T, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là trái với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở chấp nhận.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, do đó, xét thấy, phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên Công ty D Th X phải chịu chi phí giám định với số tiền là 300.000 đồng + 1.200.000 đồng = 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này ông K đã thanh toán xong. Do đó, buộc Công ty D Th X có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền này.

[6] Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên Công ty D Th X phải chịu số tiền án phí là 47.686.000 đồng x 3% = 1.430.500 đồng.

Án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, các điều 309, 147, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 22, 41, 42 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn K.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 408/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 15/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/LĐ-ST ngày 12/9/ 2018 của Tòa án nhân dân huyện G1 T3, tỉnh B T.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn K đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên dịch vụ du lịch D Th X.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên dịch vụ du lịch D Th X có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn K số tiền là 47.686.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

2. Chi phí tố tụng:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên dịch vụ du lịch D Th X phải chịu chi phí giám định là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này ông K đã thanh toán xong. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên dịch vụ du lịch D Th X có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên dịch vụ du lịch D Th X phải chịu án phí lao động sơ thẩm với số tiền là 1.430.500 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

4. Án phí lao động phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông K không phải chịu án án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B T.
- TAND huyện G1 T3.
- Chi cục THADS huyện G1 T3.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng, Phòng KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Thanh Thúy